

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, P. Xuân Hòa, TP.HCM

MST: 0304772590

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110 +120+130+140+150)	100		37.481.975.434	36.798.222.335
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.671.099.892	6.505.251.491
1. Tiền	111		1.671.099.892	6.505.251.491
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	34.394.770.038	29.588.993.947
1. Đầu tư ngắn hạn	121		34.600.433.364	29.588.993.947
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(205.663.326)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	235.703.856	592.737.584
1. Phải thu khách hàng	131			80.250.000
2. Trả trước cho người bán	132			10.000.000
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		202.242.109	498.447.054
5. Các khoản phải thu khác	135		33.461.747	4.040.530
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		180.401.648	111.239.313
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		180.401.648	111.239.313
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+250+260)	200		2.973.573.655	3.306.078.871
II. Tài sản cố định	220	V.04	743.605.815	1.098.661.180
1. Tài sản cố định hữu hình	221		29.679.197	89.228.477
- Nguyên giá	222		297.746.500	297.746.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(268.067.303)	(208.518.023)
3. Tài sản cố định vô hình	227		713.926.618	1.009.432.703
- Nguyên giá	228		1.834.500.000	1.764.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.120.573.382)	(755.067.297)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			40.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.05	2.229.967.840	2.167.417.691
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		142.347.840	79.797.691
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.087.620.000	2.087.620.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		40.455.549.089	40.104.301.206

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		890.249.767	780.299.200
I. Nợ ngắn hạn	310		890.249.767	780.299.200
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	109.950.987	266.373.844
5. Phải trả người lao động	315	V.08	543.133.334	406.503.466
6. Chi phí phải trả	316		70.590.251	36.763.818
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	19.803.170	23.869.856
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		146.772.025	46.788.216
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VII	39.565.299.322	39.324.002.006
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	414		4.432.293.206	4.190.995.890
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	415		133.006.116	133.006.116
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		40.455.549.089	40.104.301.206

TP.HCM, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập

KHUU KIM HUÊ

Kế toán trưởng

KHUU KIM HUÊ



Tổng giám đốc

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P. Xuân Hòa, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011
của Bộ Tài Chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
	2	3	4	5
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2		-	-
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chi có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	V.02	24.221.370.000	23.993.120.000
Trong đó:			-	-
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		24.221.370.000	23.993.120.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		-	1.196.845,00
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		-	1.196.845,00
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		-	28.350.000.000
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	V.10	-	28.350.000.000
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.11	-	243.265.587
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		-	-

TP.HCM, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập


KHUU KIM HUÊ

Kế toán trưởng


KHUU KIM HUÊ

Tổng giám đốc




NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5
1. Doanh thu	01	VI.1	2.626.625.996	1.557.357.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		2.626.625.996	1.557.357.678
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2		
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		2.626.625.996	1.557.357.678
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.466.994.558	10.084.336.903
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	526.453.586	85.705.367
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.082.577.042	9.962.743.683
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		484.589.926	1.593.245.531
10. Thu nhập khác	31		15.422.259	13.580.236
11. Chi phí khác	32		14.933.921	11.841.952
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		488.338	1.738.284
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		485.078.264	1.594.983.815
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	17.320.910	330.221.529
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		467.757.354	1.264.762.286
18. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		134	297

TP.HCM, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập

KHUU KIM HUÊ

Kế toán trưởng

KHUU KIM HUÊ

Tổng giám đốc



NGUYỄN LÊ ĐÌNH OUANG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.922.830.941	
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(4.017.590.238)	(2.837.417.431)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.794.275.145)	(4.754.307.374)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(133.998.554)	(405.386.942)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		524.178.284	1.622.914.701
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(2.824.602.028)	(4.057.032.764)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.323.456.740)	(10.431.229.810)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(30.000.000)	(186.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.072.316.000)	(5.582.310.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		23.134.671.600	21.090.710.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		456.949.541	5.332.736
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.489.305.141	15.327.732.736
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3.834.151.599)	4.896.502.926
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.505.251.491	1.608.748.565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		2.671.099.892	6.505.251.491

TP.HCM, ngày 19 tháng 3 năm 2026

Người lập

KHUU KIM HUÊ

Kế toán trưởng

KHUU KIM HUÊ

Tổng giám đốc


NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số cuối kỳ	
	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024		Năm 2025		Năm 2024	Năm 2025
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000	4	5	6	7	8	9
2. Thặng dư vốn cổ phần								
3. Vốn khác của chủ sở hữu								
4. Cổ phiếu quỹ (*)								
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản								
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái								
7. Quỹ đầu tư phát triển								
8. Quỹ dự phòng tài chính								
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	133.006.116	133.006.116					133.006.116	133.006.116
10. Lợi nhuận chưa phân phối	3.021.719.254	4.190.995.890	1.264.762.286	(95.485.650)	467.757.354	(226.460.038)	4.190.995.890	4.432.293.206
TỔNG CỘNG	38.154.725.370	39.324.002.006	1.264.762.286	(95.485.650)	467.757.354	(226.460.038)	39.324.002.006	39.565.299.322

Người lập

Kế toán trưởng

S. G. P. 1. 67. TP. HCM, ngày 19 tháng 3 năm 2026




KHUÊ KIM HUÊ


KHUÊ KIM HUÊ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tiền thân là Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông. Công ty hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UCK ngày 14/09/2023 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 điều chỉnh lần thứ 12 ngày 28/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên giao dịch :	CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
Tên tiếng Anh :	Lighthouse Fund Management Joint Stock Company
Trụ sở chính :	Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P. Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ :	35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng)
Nghiệp vụ kinh doanh :	+ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán + Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán + Tư vấn đầu Tư chứng khoán
Người đại diện pháp luật:	Nguyễn Lê Đình Quang - Tổng Giám đốc
Tổng số công nhân viên	19 người

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2025 doanh thu chủ yếu là lãi đầu tư tài chính (lãi từ việc đầu tư chứng khoán) và doanh thu từ nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán LHBF, LHCDF.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.
- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2 - Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)
- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 ~ 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 ~ 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 ~ 5

Tài sản cố định vô hình	Số năm
TSCĐ vô hình khác	1 ~ 5

3 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
 - Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
 - Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.
- Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong khoản thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

5 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả và trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6 - Các quỹ dự trữ bắt buộc.

Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 2 Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021 của Bộ Tài chính về việc huỷ trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ theo thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7 - Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

10 - Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

- Các khoản mục không có số dư: Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

- Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh: Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

Đơn vị: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		31/12/2025		01/01/2025	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền					
a. Tiền		1.671.099.892		6.505.251.491	
- Tiền mặt		13.537.795		150.072.336	
- Tiền gửi ngân hàng:		842.193.616		500.723.621	
+ Ngân hàng BIDV - CN NKKN		540.182.012		495.342.715	
+ Ngân hàng PGB		17.220.321		-	
+ Ngân hàng Nam Á - Chi nhánh Hàm Nghi		284.791.283		5.380.906	
- Tiền tại công ty chứng khoán:		815.368.481		5.854.455.534	
+ Chứng khoán Bảo Minh - TK086C898680		815.368.481		5.854.455.534	
b. Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000		-	
Cộng		2.671.099.892		6.505.251.491	
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		31/12/2025		01/01/2025	
a. Chứng khoán kinh doanh		Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá
- <i>Cổ phiếu</i>		2.422.137	34.600.433.364	2.399.312	29.588.993.947
Mã BMS		-	-	59	-
Mã DBD		252.737	12.539.228.926	173.937	7.334.374.905
Mã DCF		177.255	6.009.800.876	129.600	6.297.991.942
Mã NAB		1.992.145	16.051.403.562	1.985.716	14.361.627.100
Mã RYG		-	-	110.000	1.595.000.000
- Trái phiếu		-	-	-	-
- Chứng khoán khác		-	-	-	-
b. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		-	-	-	-
c. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn		-	-	-	-
Cộng		2.422.137	34.600.433.364	2.399.312	29.588.993.947
d. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư		31/12/2025	Phát sinh giảm	Phát sinh tăng	01/01/2025
Chứng khoán kinh doanh		34.600.433.364	13.060.876.583	18.072.316.000	29.588.993.947
+ Cổ phiếu		34.600.433.364	13.060.876.583	18.072.316.000	29.588.993.947
Cộng		34.600.433.364	13.060.876.583	18.072.316.000	29.588.993.947
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		31/12/2025		01/01/2025	
Phải thu khách hàng					
a. Phải thu khách hàng				80.250.000	
- Thu tiền bán chứng khoán				80.250.000	
b. Trả trước cho người bán				10.000.000	
- Công Ty TNHH Công nghệ Truyền thông Cảnh Cam				10.000.000	
c. Phải thu hoạt động nghiệp vụ		202.242.109		498.447.054	
- Quỹ LHBF		115.560.486		105.196.531	
- Quỹ LHCDF		86.681.623		151.938.576	
- Quản lý danh mục đầu tư				241.311.947	
d. Các khoản phải thu khác		33.461.747		4.040.530	
- Phải thu quỹ mở LHBF		19.727.208		1.854.104	
- Phải thu quỹ mở LHCDF		3.734.539		2.186.426	
- Phải thu quỹ mở LHFCE		10.000.000		-	
Cộng		235.703.856		592.737.584	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

4. Tăng, giảm tài sản cố định

a. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

		Máy móc, thiết bị văn phòng	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	01/01/2025	155.870.000	141.876.500		297.746.500
Mua sắm mới					-
Thanh lý, nhượng bán					-
Số dư cuối kỳ	31/12/2025	155.870.000	141.876.500	-	297.746.500
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	01/01/2025	120.318.144	88.199.879		208.518.023
Khấu hao trong kỳ		31.173.984	28.375.296		59.549.280
Giảm trong kỳ					-
Số dư cuối kỳ	31/12/2025	151.492.128	116.575.175	-	268.067.303
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày	01/01/2025	35.551.856	53.676.621	-	89.228.477
2. Tại ngày	31/12/2025	4.377.872	25.301.325	-	29.679.197

b. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

		Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	01/01/25	1.764.500.000	-	1.764.500.000
Mua sắm mới		70.000.000	-	70.000.000
Thanh lý, nhượng bán		-	-	-
Số dư cuối kỳ	31/12/25	1.834.500.000	-	1.834.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	01/01/25	755.067.297	-	755.067.297
Khấu hao trong kỳ		365.506.085	-	365.506.085
Giảm trong kỳ		-	-	-
Số dư cuối kỳ	31/12/25	1.120.573.382	-	1.120.573.382
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày	01/01/25	1.009.432.703	-	1.009.432.703
2. Tại ngày	31/12/25	713.926.618	-	713.926.618

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

	31/12/2025	01/01/2025
5. Tài sản dài hạn khác		
a. Chi phí trả trước dài hạn	142.347.840	79.797.691
- Chi phí trả trước dài hạn thiết bị văn phòng	83.147.965	44.739.028
- Chi phí trả trước dịch vụ CNTT	-	16.325.332
- Chi phí trả trước sử dụng tên miền lighthousecapital.com.vn & .vn	-	1.666.663
- Chi phí trả trước khác	59.199.875	17.066.668
b. Tài sản dài hạn khác:	2.087.620.000	2.087.620.000
- Cty Cổ phần đầu tư SB Space 65 - Đặt cọc thuê văn phòng	187.200.000	187.200.000
- Cty TNHH TM và Tiếp Vận Đại Dương Xanh - Đặt cọc tiền thuê xe	1.900.000.000	1.900.000.000
- Khác	420.000	420.000
Cộng	2.229.967.840	2.167.417.691
	-	-
6. Phải trả người bán	31/12/2025	01/01/2025
Cộng	-	-
	-	-
7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/25	01/01/25
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.320.910	133.998.554
- Thuế thu nhập cá nhân	92.630.077	132.375.290
Cộng	109.950.987	266.373.844
	-	-
8. Phải trả người lao động	31/12/2025	01/01/2025
- Lương tháng 14+15/2025	543.133.334	406.503.466
Cộng	543.133.334	406.503.466
	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2025	01/01/2025
- Kinh phí công đoàn	19.803.170	18.869.856
- Khác	-	5.000.000
Cộng	19.803.170	23.869.856
	-	-
10. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước:	31/12/2025	01/01/2025
Cổ phiếu đăng ký giao dịch:		
- Số lượng		1.890.000
- Giá trị thị trường		28.350.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

11. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	31/12/2025	01/01/2025
- Phí quản lý danh mục	-	241.311.947
- Phí lưu ký của ngân hàng	-	1.953.640
Cộng	-	243.265.587

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	Năm 2025	Năm 2024
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	177.960.328	241.311.947
- Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	2.448.665.668	1.316.045.731
Cộng	2.626.625.996	1.557.357.678
	-	-
2. Chi phí hoạt động kinh doanh	Năm 2025	Năm 2024
- CP hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	-
Cộng	-	-
	-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2025	Năm 2024
- Lãi từ hoạt động đầu tư	10.462.319.017	10.079.015.515
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.675.541	5.321.388
Cộng	10.466.994.558	10.084.336.903
	-	-
4. Chi phí tài chính	Năm 2025	Năm 2024
- Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán	16.500.000	15.218.154
- Dự phòng giảm giá đầu tư	205.663.326	-
- Phí mua bán chứng khoán và chi phí khác	304.290.260	70.487.213
Cộng	526.453.586	85.705.367
	-	-
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2025	Năm 2024
- Chi phí nhân viên	7.644.799.231	6.232.297.627
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	425.055.365	397.004.221
- Chi phí thuê văn phòng	1.109.619.194	978.706.315
- Chi phí vật liệu	16.702.000	7.070.000
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	50.958.062	293.669.180
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	318.801.519	257.234.468
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.989.272.580	1.260.434.286
- Chi phí bằng tiền khác	527.369.091	536.327.586
Cộng	12.082.577.042	9.962.743.683

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Số lũy kế đến cuối Năm 2025	Số lũy kế đến cuối Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	485.078.264	1.594.983.815
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	53.800.288	56.123.832
+ Chi phí khác không chứng từ, hóa đơn	53.800.288	56.123.832
- Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Cổ tức được hưởng	452.274.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	86.604.552	1.651.107.647
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
+ Thuế TNDN phải nộp	17.320.910	330.221.529
+ Thuế TNDN đã nộp	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ	17.320.910	330.221.529

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm 2025	Năm 2024
- Ông Hồ Hoàng Lâm	-	14.077.000.000
- Ông Nguyễn Công Hiệp	14.077.000.000	-
- Cổ đông khác	20.923.000.000	20.923.000.000
Cộng	35.000.000.000	35.000.000.000

b. Cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND

Người lập



KHUU KIM HUÊ

Kế toán trưởng



KHUU KIM HUÊ

